

KHẢ QUAN - Giá mục tiêu 1 năm: 35.800 Đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 09/12/2022): 30.400 Đồng/cp

Đào Minh Châu, CFA

chaudm@ssi.com.vn

+84 – 28 3636 3688 ext. 3052

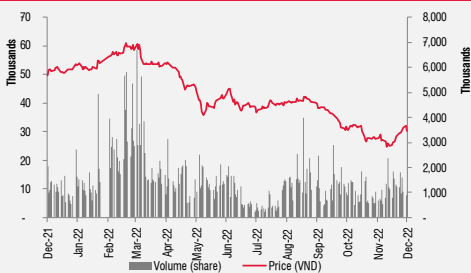
Ngày 09/12/2022

NGÀNH DẦU KHÍ

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	1.597
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	38.372
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	1.271
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	65,9/23
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	1.147.396
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1,49
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	35,82
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	17,58
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	75,87

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1956, Petrolimex là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn nhất và lâu đời nhất tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần. Công ty đã IPO vào năm 2012 với vốn điều lệ là 10.700 tỷ đồng. Kể từ đó, PLX đã bán khoảng 169 triệu cổ phiếu (~13,8% cổ phần) cho đối tác chiến lược là Tập đoàn ENEOS – công ty bán lẻ xăng dầu lớn nhất Nhật Bản với khoảng 50% thị phần.

KQKD quý 3/2022 và ĐHCĐ bất thường

Lợi nhuận năm 2022 có thể chạm đáy

LNTT quý 3/2022 đạt 313 tỷ đồng, tăng 179% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2022, LNTT giảm 79% so với cùng kỳ xuống 614 tỷ đồng do mảng xăng dầu ghi nhận khoản lỗ lớn trong bối cảnh chuỗi cung ứng bị gián đoạn và giá dầu biến động. Theo đó, PLX đã điều chỉnh giảm 90% mục tiêu LNTT, từ 3,1 nghìn tỷ đồng xuống 300 tỷ đồng tại ĐHCĐ bất thường tổ chức thời gian vừa qua. PLX đặt mục tiêu LNTT phục hồi mạnh mẽ lên 3,2 nghìn tỷ đồng vào năm 2023 và tăng dần lên 3,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2025 nhờ thi trường dần bình ổn.

Chính phủ dự kiến sẽ duy trì tỷ lệ nắm giữ 75,87% cổ phần tại PLX đến năm 2025. Mặt khác, PLX dự kiến sẽ thoái 40% cổ phần tại PGB trong nửa đầu năm 2023 và thoái vốn hoàn toàn khỏi Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex.

Chúng tôi dự báo LNTT năm 2022 của PLX sẽ giảm 77% so với cùng kỳ xuống 870 tỷ đồng, do biên lợi nhuận thu hẹp khi công ty mua nguyên liệu đầu vào theo tỷ giá giao ngay. Trong năm 2023, chúng tôi cho rằng LNTT sẽ phục hồi 260% lên 3,1 nghìn tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 3% và biên lợi nhuận gộp cải thiện sau khi điều chỉnh công thức tính giá xăng dầu bán lẻ.

PLX đang giao dịch ở mức P/E năm 2022 và 2023 lần lượt là 59x và 17x. Chúng tôi lặp lại khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu PLX, với giá mục tiêu 1 năm là 35.800 đồng/cổ phiếu dựa trên P/E mục tiêu là 20,0x. Năm nay là một năm PLX phải đối mặt với nhiều bất lợi bất thường, bao gồm việc Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn cắt giảm công suất, giá dầu biến động mạnh, đặc biệt trong quý 2, và việc chuỗi cung ứng bị gián đoạn gây thiếu hụt nguồn cung trong nước trong giai đoạn quý 3-4, trong khi giá bán lẻ xăng dầu chưa kịp điều chỉnh kịp thời. Hầu hết những yếu tố này được dự báo sẽ thuyên giảm vào năm 2023. Do đó, việc lợi nhuận của PLX nhiều khả năng phục hồi từ mức đáy trong năm 2022, và việc thoái vốn tại PGB sẽ là yếu tố hỗ trợ cho giá cổ phiếu trong năm tới. Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận âm trong quý 4/2022 có thể sẽ gây áp lực lên giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	191.932	189.604	123.919	169.113	290.986	294.652
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	4.155	4.677	1.253	3.112	713	2.560
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	6,2%	12,6%	-73,2%	148,4%	-77,1%	259,1%
EPS (VND)	2.897	3.213	764	2.187	501	1.800
ROE (%)	17,9%	19,1%	5,0%	11,9%	2,5%	9,0%
Nợ/VCSH (%)	63,7%	59,4%	66,4%	52,4%	72,3%	70,7%
Tỷ suất cổ tức (%)	4,9%	5,4%	2,2%	2,2%	1,7%	5,7%
P/E (x)	18,3	17,4	71,5	24,6	59,4	16,6
P/B (x)	3,4	3,1	3,3	2,8	1,5	1,5

Nguồn: PLX, SSI Research

(tỷ đồng)	Quý 3/2022	Quý 3/2021	So với cùng kỳ	Quý 2/2022	So với quý trước	Hoàn thành kế hoạch năm	TSLN			
							Quý 3/2022	Quý 3/2021	Quý 2/2022	2021
Doanh thu thuần	73.695	34.625	112,8%	84.367	-12,7%	166%				
Lợi nhuận gộp	2.803	2.036	37,7%	2.403	16,7%		3,8%	5,9%	2,8%	7,5%
Lợi nhuận từ HĐKD	457	247	84,8%	-129	-452,9%		0,6%	0,7%	-0,2%	2,4%
EBIT	467	276	69,2%	-112	-515,2%		0,6%	0,8%	-0,1%	2,6%
EBITDA	960	774	23,9%	419	128,8%		1,3%	2,2%	0,5%	3,9%
LNTT	313	112	179,4%	-279	-212,3%	18%	0,4%	0,3%	-0,3%	2,2%
Lợi nhuận ròng	190	80	138,6%	-141	-234,9%		0,3%	0,2%	-0,2%	1,8%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	99	76	29,9%	-196	-150,4%		0,1%	0,2%	-0,2%	1,7%

Nguồn: PLX, SSI Research

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế

(tỷ đồng)	Quý 3/2022	Quý 3/2021	So với cùng kỳ	9 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ
Xăng dầu	(199)	(289)	-31%	(793)	1.483	N.a
Nhiên liệu bay	160	(7)	N.a	251	79	217%
Hóa dầu	128	39	256%	507	417	22%
LPG	40	14	185%	119	126	-5%
Vận tải	73	(113)	N.a	117	(40)	N.a
Khác	111	469	-77%	414	888	-53%
Tổng	312	112	187%	614	2.953	-79%

Nguồn: PLX, SSI Research

LNTT quý 3/2022 đạt 313 tỷ đồng, tăng 179% svck. Mảng xăng dầu tiếp tục ghi nhận khoản lỗ 199 tỷ đồng trong quý. Mặc dù đã hoàn nhập 899 tỷ đồng dự phòng hàng tồn kho trong quý 3 năm 2022, nhưng lợi nhuận từ mảng xăng dầu vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực do giá xăng dầu bình quân giảm 24% trong quý. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước của PLX đạt mức cao kỷ lục là 7,57 tấn trong 3 quý đầu năm 2022, tăng 20% svck. Sản lượng bán lẻ tính riêng quý 3 tăng với tỷ lệ cao hơn là 26% svck, đạt mức cao kỷ lục là 1,64 triệu tấn, do công ty giành được thị phần từ các nhà phân phối nhỏ hơn.

Ngoài ra, công thức tính giá bán lẻ xăng dầu chưa phản ánh sát thực tế mức tăng chi phí hoạt động của các đơn vị kinh doanh xăng dầu. Điều này đã dẫn đến việc một số đầu mối và cửa hàng xăng dầu đã phải tạm đóng cửa trong quý 3 và quý 4, sau một thời gian chịu thua lỗ và trong bối cảnh hoạt động tín dụng ngân hàng bị thắt chặt. Với vai trò là doanh nghiệp nhà nước dẫn đầu thị trường, PLX có nhiệm vụ phải đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước. Vì vậy, trong trường hợp thị trường trong nước thiếu hụt nguồn cung, PLX buộc phải tăng sản lượng nhập khẩu với giá cao hơn để bù đắp nguồn cung thiếu hụt. Điều này đã gây áp lực lên lợi nhuận của công ty, đặc biệt khi chi phí nhập khẩu và vận chuyển tăng cao trong quý vừa qua.

Kế hoạch thoái vốn

Theo Văn bản số 1445/UBQLV-CN do CMSC (Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp) ban hành ngày 16 tháng 9 năm 2022, Chính phủ dự kiến sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 75,87% tại PLX đến năm 2025.

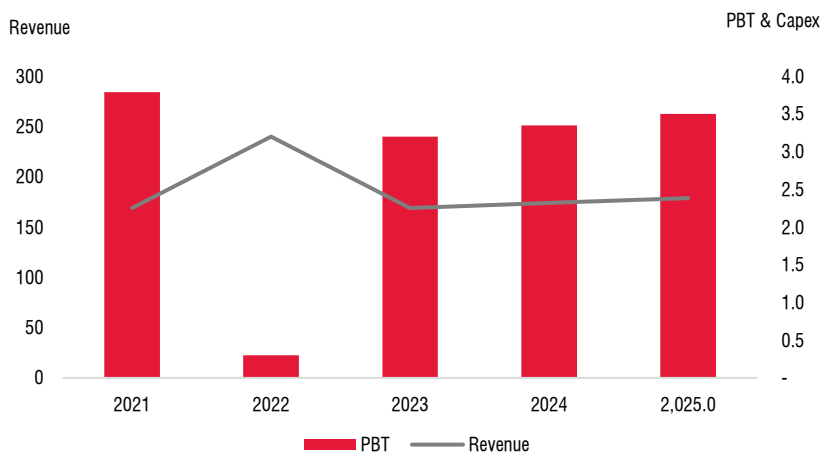
PLX có kế hoạch thoái 40% cổ phần tại PGB trong nửa đầu năm 2023, trong khi vẫn duy trì tỷ lệ sở hữu tại PGI ở mức 40,95%. Mặt khác, công ty cũng dự kiến trong vòng 3 năm tới sẽ thoái toàn bộ vốn tại Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex với giá trị sổ sách là 403 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh 5 năm

Năm 2022, PLX điều chỉnh giảm 90% kế hoạch LNTT, từ 3,1 nghìn tỷ đồng xuống 300 tỷ đồng. Mảng xăng dầu dự kiến sẽ ghi nhận khoản lỗ hơn 1,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2022 do giá dầu biến động mạnh, gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí nhập khẩu cao. Mặt khác, các mảng hoạt động khác của công ty ước tính có thể sẽ mang lại lợi nhuận 1,7 nghìn tỷ đồng.

PLX đặt mục tiêu LNTT phục hồi lên 3,2 nghìn tỷ đồng vào năm 2023 và tăng dần lên 3,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2025. Kế hoạch này giả định giá dầu sẽ ở mức trung bình 67 USD/thùng và chưa tính đến các yếu tố khác như nguy cơ bùng phát đại dịch, thay đổi trong công thức tính giá xăng dầu bán lẻ, ... Ban lãnh đạo lưu ý rằng kế hoạch lợi nhuận thấp hơn mức đỉnh năm 2019 là do kể từ năm 2020 PLX không được hưởng khoản chênh lệch giữa thuế nhập khẩu thực tế từ Hàn Quốc và Đông Nam Á và thuế trong công thức tính giá cơ sở, ước tính khoảng 2 nghìn tỷ đồng như ghi nhận trong năm 2019.

Đồ thị: Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2022~2025 của PLX



Nguồn: PLX

Việc điều chỉnh chi phí định mức và premium khi tính giá bán lẻ xăng dầu sẽ hỗ trợ cho lợi nhuận năm 2023.

Để đối phó với sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng xăng dầu trong nước, Chính phủ đã thực hiện một số thay đổi đối với công thức tính giá bán lẻ.

Công thức tính giá cơ sở hiện hành

Giá cơ sở xăng dầu = Giá xăng dầu nhập khẩu x Tỷ trọng sản lượng xăng dầu nhập khẩu + Giá xăng dầu trong nước x Tỷ trọng sản lượng xăng dầu trong nước

Trong đó

Giá xăng dầu nhập khẩu = Giá xăng dầu thế giới +/- **premium (nếu có)** + **Chi phí vận chuyển từ nước ngoài về cảng Việt Nam** + Chi phí định mức + Lợi nhuận định mức + Chi phí trích lập quỹ bình ổn + Các loại thuế

Giá xăng dầu trong nước = Giá xăng dầu thế giới +/- **premium (nếu có)** + **Chi phí vận chuyển từ nhà máy lọc dầu trong nước về cảng** + Chi phí định mức + Lợi nhuận định mức + Chi phí trích lập quỹ bình ổn + Các loại thuế

Vào đầu tháng 10, premium trong nước (chênh lệch giữa số tiền mà các nhà phân phối trả cho các nhà máy lọc dầu trong nước và giá xăng dầu trung bình trên thế giới) đã tăng lên 350 đồng/lít đối với xăng và 40 đồng/lít đối với dầu diesel, trong khi chi phí vận chuyển định mức từ các nhà máy lọc dầu trong nước đến cảng nhà phân phối tăng 40~70 đồng/lít trong tháng 10.

Vào ngày 11 tháng 11, Chính phủ đã tăng lần lượt 560 đồng và 160 đồng với chi phí nhập khẩu về cảng Việt Nam trong công thức tính giá cơ sở cho một lít xăng và dầu diesel. Mặc dù việc điều chỉnh chưa hoàn toàn phù hợp với chi phí phân phối ước tính, nhưng điều này sẽ giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận cho các nhà phân phối trong năm tới. Ngoài ra, điều này cũng phản ánh định hướng của Chính phủ nhằm ổn định nguồn cung theo hướng dựa trên thị trường hơn.

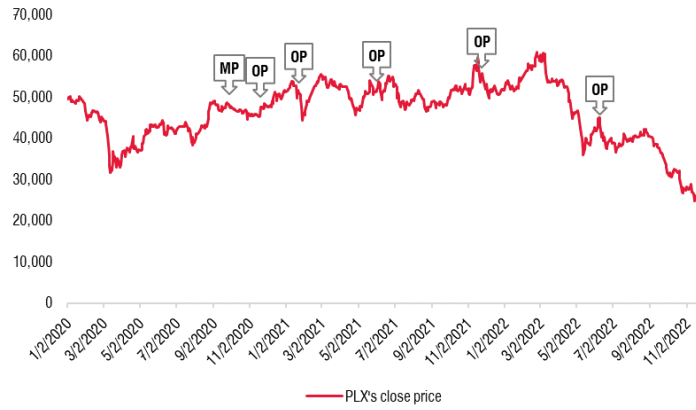
Ước tính lợi nhuận

Chúng tôi dự báo doanh thu năm 2022 của PLX sẽ tăng 72% svck lên 291 nghìn tỷ đồng, nhờ giá xăng dầu bình quân tăng 43% svck và sản lượng tiêu thụ xăng dầu tăng 21% lên 10,1 triệu tấn (tăng 5,5% so với mức trước covid). Tuy nhiên, LNTT dự kiến vẫn giảm 77% so với cùng kỳ xuống 870 tỷ đồng do biên lợi nhuận thu hẹp khi công ty nguyên liệu đầu vào với giá giao ngay.

Năm 2023, chúng tôi dự báo lợi nhuận trước thuế sẽ phục hồi 260% lên 3,12 nghìn tỷ đồng nhờ sản lượng bán hàng tăng 3% và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện sau khi giá bán lẻ xăng dầu được điều chỉnh. Dự báo này không tính đến khoản lợi nhuận bất thường từ giao dịch thoái vốn PGB.

Định giá và luận điểm đầu tư

PLX đang giao dịch ở mức P/E năm 2022 và 2023 lần lượt là 59x và 17x. Chúng tôi lập lại khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu PLX, với giá mục tiêu 1 năm là 35.800 đồng/cổ phiếu dựa trên P/E mục tiêu là 20,0x. Năm nay là một năm PLX phải đối mặt với nhiều bất lợi bất thường, bao gồm việc Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn cắt giảm công suất, giá dầu biến động mạnh, đặc biệt trong quý 2, và việc chuỗi cung ứng bị gián đoạn gây thiếu hụt nguồn cung trong nước trong giai đoạn quý 3-4, trong khi giá bán lẻ xăng dầu chưa kịp điều chỉnh kịp thời. Hầu hết những yếu tố này được dự báo sẽ thuyên giảm vào năm 2023. Do đó, việc lợi nhuận của PLX nhiều khả năng phục hồi từ mức đáy trong năm 2022, và việc thoái vốn tại PGB sẽ là yếu tố hỗ trợ cho giá cổ phiếu trong năm tới. Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận âm trong quý 4/2022 có thể sẽ gây áp lực lên giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Lịch sử khuyến nghị

Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	10.612	6.189	12.569	12.384
+ Đầu tư ngắn hạn	8559	11836	11.837	11.837
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	7.216	7.089	12.745	12.316
+ Hàng tồn kho	9.400	13.161	25.215	25.344
+ Tài sản ngắn hạn khác	2011	2522	4232	4282
Tổng tài sản ngắn hạn	37.797	40.797	66.599	66.164
+ Các khoản phải thu dài hạn	31	27	58	59
+ GTCL Tài sản cố định	15.578	14.758	12.749	10.740
+ Bất động sản đầu tư	209	128	124	120
+ Tài sản dài hạn dở dang	731	634	634	634
+ Đầu tư dài hạn	4093	5284	5284	5284
+ Tài sản dài hạn khác	2667	2.670	3423	3441
Tổng tài sản dài hạn	23.309	23.500	22.272	20.278
Tổng tài sản	61.106	64.298	88.871	86.443
+ Nợ ngắn hạn	35.400	34.835	59.480	56.967
Trong đó: vay ngắn hạn	14.722	13.804	19.612	19.712
+ Nợ dài hạn	1.580	1.228	1.090	814
Trong đó: vay dài hạn	1.299	996	841	563
Tổng nợ phải trả	36.980	36.063	60.570	57.781
+ Vốn góp	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	4988	7359	7359	7359
+ Lợi nhuận chưa phân phối	2.761	3391	3.393	3.523
+ Quý khác	3439	4546	4610	4841
Vốn chủ sở hữu	24.126	28.235	28.301	28.661
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	61.106	64.298	88.871	86.443
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.129	4099	1.375	2.192
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-3843	-4792	0	0
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-2.171	145	5.005	-2.377
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-2.885	-548	6.380	-185
Tiền đầu kỳ	11.275	10.612	6.189	12.569
Tiền cuối kỳ	8.391	10.042	12.569	12.384
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,07	1,17	1,12	1,16
Hệ số thanh toán nhanh	0,75	0,72	0,62	0,64
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,54	0,52	0,41	0,43
Nợ ròng / EBITDA	1,12	1,07	2,31	1,3
Khả năng thanh toán lãi vay	3	7,28	2,25	4,42
Ngày phải thu	22,2	14,9	11,9	14,9
Ngày phải trả	41,1	32,5	30,5	38,2
Ngày tồn kho	33,9	26,3	25	32,8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,39	0,44	0,32	0,33
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,61	0,56	0,68	0,67
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,53	1,28	2,14	2,02
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,66	0,52	0,72	0,71
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,49	0,69	0,69

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	123.919	169.113	290.986	294.652
Giá vốn hàng bán	-113.879	-156.407	-280.167	-281.599
Lợi nhuận gộp	10.040	12.706	10.819	13.054
Doanh thu hoạt động tài chính	917	998	1.365	1.233
Chi phí tài chính	-952	-835	-1676	-1278
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-8591	-9157	-9603	-9.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-820	-782	-873	-972
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.191	3.498	782	3.063
Thu nhập khác	218	283	87	59
Lợi nhuận trước thuế	1.410	3.781	869	3.122
Lợi nhuận ròng	1.253	3.112	713	2.560
Lợi nhuận chia cho cổ đông	988	2.830	649	2.329
Lợi ích của cổ đông thiểu số	264	282	64	230
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	764	2187	501	1.800
Giá trị sổ sách (VND)	16.356	19.344	19.345	19.446
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1200	1200	500	1700
EBIT	2.116	4.384	1.565	4.034
EBITDA	4.263	6531	3.577	6.047
Tăng trưởng				
Doanh thu	-34,6%	36,5%	72,1%	1,3%
EBITDA	-49,7%	53,2%	-45,2%	69,0%
EBIT	-67,1%	107,2%	-64,3%	157,8%
Lợi nhuận ròng	-73,2%	148,4%	-77,1%	259,1%
Vốn chủ sở hữu	-6,9%	17,0%	0,2%	1,3%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-1,1%	5,2%	38,2%	-2,7%
Định giá				
PE	71,5	24,6	59,4	16,6
PB	3,3	2,8	1,5	1,5
Giá/Doanh thu	0,6	0,4	0,1	0,1
Tỷ suất cổ tức	2,2%	2,2%	1,7%	5,7%
EV/EBITDA	15,8	10,20	10,4	6,1
EV/Doanh thu	0,5	0,4	0,1	0,1
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,1%	7,5%	3,7%	4,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	1,0%	2,4%	0,2%	1,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,0%	1,8%	0,2%	0,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	6,9%	5,4%	3,3%	3,3%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,7%	0,5%	0,3%	0,3%
ROE	5,0%	11,9%	2,5%	9,0%
ROA	2,0%	5,0%	0,9%	2,9%
ROIC	4,6%	8,7%	2,8%	6,8%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhvtv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Dầu khí

Đào Minh Châu, CFA

Phó giám đốc

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 28 3636 3688 ext. 3052

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715